

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO RÀ SOÁT

**ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VỀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC
DÂN SỰ**

(Kèm theo Tờ trình số 15 /TTr-BTP ngày 31 /10/2023)

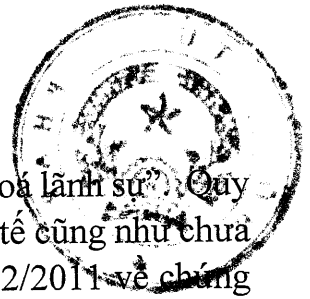
Để đảm bảo việc nội luật hóa đầy đủ các cam kết quốc tế trong quá trình xây dựng Luật tương trợ tư pháp (TTTP) về dân sự cũng như đảm bảo tính tương thích của dự án luật đối với các điều ước quốc tế có liên quan, Bộ Tư pháp tiến hành rà soát báo cáo điều ước quốc tế có liên quan đến tương trợ tư pháp về dân sự.

1. Các điều ước quốc tế đã rà soát: 18 hiệp định song phương có liên quan đến tương trợ tư pháp về dân sự; 02 Công ước của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế;

2. Nội dung rà soát và kết quả rà soát

- Về áp dụng pháp luật nước ngoài: Hiện nay trong các quy định của các điều ước quốc tế đều có quy định về việc thực hiện yêu cầu TTTP của nước ngoài theo cách thức mà bên yêu cầu đề nghị hoặc theo trình tự thủ tục đặc biệt nếu không trái với quy định của nước yêu cầu. Luật TTTP chưa quy định cụ thể về việc áp dụng pháp luật nước ngoài mà chỉ đang được quy định tại Thông tư liên tịch 12/TTLT/BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự (Thông tư liên tịch 12). Do vậy, để hạn chế việc Chính phủ phải có văn bản hướng dẫn sau khi Luật TTTP về dân sự được ban hành, đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho việc đàm phán điều ước quốc tế về TTTP dân sự cần bổ sung quy định về điều kiện, thẩm quyền xem xét áp dụng pháp luật nước ngoài tại Luật TTTP về dân sự.

- Về hợp pháp hóa lãnh sự: qua rà soát, các điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự đều có quy định về việc miễn hợp pháp hóa lãnh sự đối với các yêu cầu TTTP được gửi thông qua điều ước (trường hợp có nghi ngờ thì có thể cơ quan trung ương có thể đề nghị xác minh thêm – Hiệp định Thái Lan, Campuchia, Hungari). Tuy nhiên, Luật TTTP hiện hành lại quy định “Giấy tờ, tài liệu ủy thác tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp hoặc xác nhận theo quy định của pháp luật nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền của



Việt Nam công nhận, nếu giấy tờ, tài liệu đó đã được hợp pháp hoá lãnh sự. Quy định này không tương thích với quy định của các điều ước quốc tế cũng như chưa phù hợp với quy định tại Nghị định 111/2011/NĐ-CP ngày 5/12/2011 về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự (Nghị định 111). Do đó, nội dung này cần thiết được sửa đổi cho phù hợp.

- Về hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp, về cơ bản quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Luật TTTP phù hợp với hình thức văn bản tại các Hiệp định song phương. Tuy nhiên, do Công ước tổng đạt yêu cầu có các mẫu văn bản riêng nên Luật TTTP về dân sự cần có quy định rõ về việc thực hiện theo mẫu để phù hợp với Công ước. Ngoài ra, Công ước tổng đạt còn có các kênh thực hiện khác nhau để các cơ quan lập yêu cầu tương trợ lựa chọn, ứng với mỗi kênh có hồ sơ và điều kiện khác nhau. Nội dung này đã được quy định tại Thông tư liên tịch 12 và do đó cần được cân nhắc thiết kế đưa vào dự án luật này để đảm bảo thống nhất.

- Về xã hội hóa hoạt động tổng đạt giấy tờ: qua rà soát, pháp luật trong nước và điều ước quốc tế đã có quy định hoặc có cơ chế cho việc giao tổ chức tư nhân tổ chức thực hiện việc tổng đạt giấy tờ của nước ngoài. Nội dung này cần thiết quy định vào luật, tạo cơ sở chính thức cho việc xã hội hóa hoạt động tổng đạt giấy tờ.

- Về quy định triệu tập và bảo vệ người làm chứng và người giám định: Cơ bản, trong các Hiệp định song phương đã có các quy định về người làm chứng và người giám định cũng như việc bảo hộ cho các đối tượng này. Tuy nhiên, so với Điều 8 Luật TTTP, nội dung trong các Hiệp định có một số điểm khác:

+ Về đối tượng: đa số các Hiệp định đều chỉ quy định về triệu tập người làm chứng, người giám định. Tuy nhiên, có Hiệp định lại quy định cả việc triệu tập người bị hại (HĐ Ucraina);

+ Về thời gian người làm chứng/người giám định được miễn chịu trách nhiệm sau khi hoàn thành công việc không giống nhau (phổ biến quy định là 15 ngày, có nước quy định 7 ngày (HĐ Cuba, Lào, Đài Loan, Belarus);

+ Về thời gian phải thông báo trước khi cần người đó có mặt: có Hiệp định có quy định thời gian tối thiểu (Trung Quốc 60 ngày, Đài Loan 60 ngày, Thái Lan 90 ngày), hầu hết các Hiệp định không có quy định thời gian này;

+ Về quyền được nhận các chi phí đi lại ăn ở: các HĐ đều ghi nhận người làm chứng/giám định được hưởng các quyền này. Tuy nhiên quy định Điều 8 của Luật TTTP còn chưa rõ ràng. Dự thảo Luật cần nhấn mạnh đây là quyền của họ.

Do đó, về triệu tập người làm chứng và người giám định, dự thảo luật mới cần cần kế thừa quy định này khi xây dựng Luật TTTP về dân sự nhưng cần có quy định đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

- Về công nhận và cho thi hành bản án của tòa án và phán quyết của trọng tài: nội dung này không thuộc phạm vi tương trợ tư pháp về dân sự theo quy định của Luật TTTP tuy nhiên lại có ở hầu hết các Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự. Hiện nay, vẫn có nhiều quan điểm khác nhau đối với việc Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án, phán quyết của trọng tài nước ngoài. Có quan điểm cho rằng việc này không thuộc phạm vi TTTP dân sự do không phải là sự hợp tác, tương trợ giữa các cơ quan tố tụng mà trong trường hợp này người được thi hành phải tự thực hiện yêu cầu để bảo vệ quyền lợi của mình. Chính vì vậy khi đàm phán điều ước quốc tế song phương một số nước rất khó khăn khi đưa nội dung này vào phạm vi điều chỉnh của Hiệp định (Thái Lan, Hàn Quốc). Nhưng cũng có quan điểm cho rằng đây được coi là TTTP theo nghĩa hẹp (có thể xếp vào các yêu cầu TTTP khác về dân sự) vì xét về bản chất việc cơ quan tài phán một nước công nhận bản án, quyết định của cơ quan tài phán nước ngoài cũng thể hiện sự hỗ trợ, hợp tác giữa các cơ quan tư pháp. Do vậy, để đảm bảo hài hòa giữa các quan điểm cần kế thừa quy định này khi xây dựng Luật TTTP về dân sự

Bảng rà soát cụ thể xin gửi kèm theo

DANH MỤC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ ĐÃ RÀ SOÁT

STT	TÊN HIỆP ĐỊNH
1	Hiệp định TTTP và pháp lý về dân sự và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CHXHCN Tiệp Khắc (hiện nay Séc và Xlovakia kế thừa)
2	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CH Cuba
3	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Hunggari
4	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Bungari
6	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CH Ba Lan
6	Hiệp định TTTP về dân sự và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHDCND Lào
7	Hiệp định TTTP và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Liên bang Nga
8	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CHND Trung Hoa
9	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước Cộng hoà Pháp
10	Hiệp định TTTP và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và Ucraina
11	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Mông Cổ
12	Hiệp định TTTP và pháp lý về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CH Bêlarút
13	Hiệp định TTTP và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CHDCND Triều Tiên
14	Hiệp định TTTP về dân sự và thương mại giữa CHXHCN Việt Nam và Cộng hoà dân chủ nhân dân An-giê-ri
15	Thỏa thuận giữa Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Việt nam tại Đài Bắc và Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự
16	Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia
17	Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự giữa CHXHCN Việt Nam và Cộng hòa Ca-dắc-xtan

18	Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự giữa CHXHCN Việt Nam và Thái Lan
19	Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại (Công ước tổng đạt)
20	Công ước La Hay năm 1970 về thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại.

BẢNG RÀ SOÁT CÁC QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VỀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP

STT	LUẬT TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP	VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN	ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ	NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ
	<p>Điều 3. Áp dụng pháp luật</p> <p>1. Tương trợ tư pháp được thực hiện theo quy định của Luật này; trường hợp Luật này không quy định thì áp dụng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật tố tụng hình sự và các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan.</p>			
	<p>2. Việc áp dụng pháp luật nước ngoài chỉ được thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p>	<p>Thông tư liên tịch 12:</p> <p>Điều 4. Áp dụng pháp luật nước ngoài trong tương trợ tư pháp về dân sự</p> <p>1. Pháp luật nước ngoài được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật Tương trợ tư pháp khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và nước ngoài quy định về vấn đề này;</p> <p>b) Có văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài đề nghị áp dụng pháp luật của nước đó;</p> <p>c) Hậu quả của việc áp dụng pháp luật nước ngoài không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.</p> <p>2. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Ngoại giao xem xét, quyết định việc áp dụng pháp</p>	<p>Một số điều ước quốc tế có quy định về việc thực hiện TTTP theo thủ tục đặc biệt hoặc theo cách mà Bên yêu cầu đề nghị, nếu việc thực hiện đó không trái với pháp luật của nước mình</p> <p>Điều 13 Hiệp định với Angieri</p> <p>Điều 8 Hiệp định với HD Ba Lan</p> <p>Điều 7 Hiệp định với belarus</p> <p>Điều 7 Hiệp định với Bungari</p> <p>Điều 9 Hiệp định với Cadacxtan</p> <p>Điều 9 Hiệp định với Campuchia</p> <p>Điều 7 Hiệp định với Cuba</p> <p>Điều 7 Hiệp định với Hungari</p> <p>Điều 7 Hiệp định với Lào</p> <p>Điều 6 Hiệp định với Mông Cổ</p> <p>Điều 7 Hiệp định Nga</p> <p>Điều 17 Hiệp định với Pháp</p> <p>Điều 6 Hiệp định với Tiệp Khắc</p> <p>Điều 15 Hiệp định với Triều Tiên</p>	<p>Luật TTTP chưa quy định cụ thể về việc áp dụng pháp luật nước ngoài mà nội dung này được điều chỉnh bởi Thông tư liên tịch 12. Do vậy, để hạn chế việc Chính phủ phải có văn bản hướng dẫn sau khi Luật TTTP về dân sự được ban hành, đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho việc đàm phán điều ước quốc tế về TTTP dân sự, dự án luật mới cần bổ sung quy định về điều kiện, thẩm quyền xem xét áp dụng pháp luật nước ngoài tại Luật TTTP về dân sự.</p>

	<p>luật nước ngoài. Trong trường hợp không đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này hoặc việc áp dụng pháp luật nước ngoài không thực hiện được, Bộ Tư pháp trả lời bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài hoặc thông báo để Bộ Ngoại giao trả lời đối với các yêu cầu áp dụng pháp luật nước ngoài được gửi qua kênh ngoại giao.</p>	<p>Điều 8 Hiệp định với Trung Quốc Điều 8 Hiệp định với Ucraina Điều 8 Thỏa thuận Đài Loan Điều 8 Hiệp định với Thái Lan Điều 5 Công ước tổng đạt Điều 9 Công ước thu thập chứng cứ</p>	<p>Kế thừa quy định này tại Luật TTTP về dân sự</p>
	<p>Điều 4. Nguyên tắc tương trợ tư pháp 1. Tương trợ tư pháp được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p>	<p>Nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi được ghi nhận tại 17 Hiệp định TTTP về dân sự mà Việt Nam đã ký kết</p>	<p>Kế thừa quy định này khi xây dựng Luật TTTP về dân sự</p>
	<p>Điều 5. Ngôn ngữ trong tương trợ tư pháp 1. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài đã có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp thì ngôn ngữ trong tương trợ tư pháp là ngôn ngữ được quy định trong điều ước quốc tế đó. 2. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp thì hồ sơ phải kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu tương trợ tư pháp hoặc dịch ra một ngôn ngữ khác mà nước được yêu cầu chấp nhận. 3. Cơ quan lập hồ sơ yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp phải dịch hồ sơ ra ngôn ngữ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p>	<p>Các Hiệp định TTTP về dân sự Việt Nam đã ký kết đều quy định các văn bản, giấy tờ TTTP phải kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ nước được yêu cầu. Ngoài ra, một số Hiệp định chấp nhận bản dịch tiếng Nga, tiếng Anh. Điều 6 Hiệp định với Angieri (tiếng nước được yêu cầu hoặc tiếng Pháp) Điều 2 Hiệp định với Ba Lan (tiếng nước được yêu cầu hoặc tiếng Nga hoặc tiếng Pháp)</p>	<p>Kế thừa quy định này khi xây dựng Luật TTTP về dân sự</p>

Điều 4 Hiệp định với Belarus (tiếng nước được yêu cầu hoặc tiếng Nga)
Điều 8 và Điều 56 Hiệp định với Bungari (tiếng nước được yêu cầu)
Điều 6 Hiệp định với Cadacxtan (tiếng nước được yêu cầu hoặc tiếng Anh)
Điều 6 Hiệp định với Campuchia (tiếng nước được yêu cầu hoặc tiếng Anh)
Điều 8 và Điều 54 Hiệp định với Cuba (tiếng nước được yêu cầu)
Điều 5 Hiệp định Hungari (tiếng nước được yêu cầu)
Điều 9, 47, 15 Hiệp định Lào (nước được yêu cầu hoặc nước thứ ba nếu có thỏa thuận)
Điều 14 Hiệp định với Mông Cổ (tiếng bên được yêu cầu hoặc tiếng Nga)
Điều 4 Hiệp định với Nga (tiếng bên ký kết được yêu cầu hoặc tiếng Anh)
Điều 2.9.11.15 Hiệp định với Pháp (tiếng bên được yêu cầu)
Điều 7 và 51 Hiệp định với Tiệp Khắc (tiếng nước được yêu cầu)
Điều 5.6 Hiệp định với Triều Tiên (nước yêu cầu và dịch ra tiếng Anh/
Điều 5 Hiệp định với Trung quốc (tiếng nước được yêu cầu hoặc tiếng ANH)

Điều 5 Hiệp định với Ucraina (tiếng nước được yêu cầu hoặc Anh hoặc Nga)

Điều 5 Thỏa thuận Đài Loan (tiếng bên được yêu cầu hoặc tiếng Anh)

Điều 5 Hiệp định Thái Lan (tiếng nước được yêu cầu hoặc tiếng Anh)

Công ước tổng đạt:

Điều 5: tài liệu dịch ra một trong những ngôn ngữ chính thức của nước nhận

Điều 7: các thuật ngữ tại biểu mẫu phải được lập bằng tiếng Anh/Pháp (có thể điền thêm bằng tiếng nước yêu cầu), các nội dung điền thêm phải được điền bằng tiếng nước được yêu cầu hoặc tiếng Anh/Pháp)

Công ước thu thập chứng cứ

Điều 4

(1) Văn bản yêu cầu phải được lập bằng ngôn ngữ của Quốc gia được yêu cầu hoặc kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ của Quốc gia được yêu cầu.

(2) Tuy nhiên, Quốc gia ký kết phải chấp nhận một Văn bản yêu cầu bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp hoặc một bản dịch ra một trong những ngôn ngữ này trừ khi Quốc gia đó có tuyên bố bảo lưu theo quy định của Điều 33 Công ước này.

	<p>(3) Một Quốc gia ký kết có nhiều ngôn ngữ chính thức, và do quy định của pháp luật trong nước của mình, không thể chấp nhận Văn bản yêu cầu bằng một thứ trong những ngôn ngữ chính thức của nước mình trên toàn lãnh thổ của mình thì phải, bằng tuyên bố, nêu rõ ngôn ngữ mà Văn bản yêu cầu hoặc bản dịch của nó phải được thể hiện để thực hiện tại những khu vực cụ thể trên lãnh thổ của nước mình. Trong trường hợp Quốc gia ký kết không tuân thủ tuyên bố này mà không có giải thích hợp lý, thì chi phí dịch tài liệu sang ngôn ngữ được yêu cầu sẽ do Quốc gia gửi yêu cầu chịu.</p>		<p>Điều 2 khoản 2 của Nghị định 111 “<i>Hợp pháp hóa lãnh sự</i>” là việc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chứng nhận con dấu, chữ ký, chức danh trên giấy tờ, tài liệu của nước ngoài để giấy tờ, tài liệu đó được công nhận và sử dụng tại Việt Nam.</p>	<p>Việc đưa ra khái niệm tại khoản 1 Điều 7 của Luật TTTP không thống nhất với Nghị định 111. Do đó, nội dung này phải được sửa đổi để thống nhất với luật chuyên ngành.</p>
	<p>Điều 7. Hợp pháp hóa lãnh sự và việc công nhận giấy tờ, tài liệu ủy thác tư pháp</p> <p>1. Hợp pháp hóa lãnh sự là việc Bộ Ngoại giao, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam hoặc cơ quan khác ở nước ngoài được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự chứng nhận chữ ký, con dấu trên giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp hoặc xác nhận để sử dụng ở Việt Nam.</p>	<p>Điều 9 Nghị định 111. Các giấy tờ, tài liệu được miễn chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự</p> <p>1. Giấy tờ, tài liệu được miễn chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự</p>	<p>Điều 2 khoản 2 của Nghị định 111 “<i>Hợp pháp hóa lãnh sự</i>” là việc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chứng nhận con dấu, chữ ký, chức danh trên giấy tờ, tài liệu của nước ngoài để giấy tờ, tài liệu đó được công nhận và sử dụng tại Việt Nam.</p>	<p>Hiện nay, việc tiếp nhận các yêu cầu tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự được thực hiện theo 2 kênh: Kênh ngoại giao và 2. Kênh điều ước quốc tế. Với hai kênh</p>
	<p>Điều 9 Nghị định 111. Các giấy tờ, tài liệu được miễn chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự</p> <p>1. Giấy tờ, tài liệu được miễn chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự</p>		<p>Điều 9 Nghị định 111. Các giấy tờ, tài liệu được miễn chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự</p> <p>1. Giấy tờ, tài liệu được miễn chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự</p>	<p>Các ĐUQT quy định về miễn hợp pháp hóa, theo đó các giấy tờ, tài liệu được chuyển giao theo Hiệp định này được miễn mọi hình thức hợp pháp hoá nhưng phải có chữ</p>

<p>này thì áp dụng quy định tại Điều 9 của Nghị định 111, các giấy tờ đều được miễn hợp pháp hóa. Do đó, quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật TTTP yêu cầu các giấy tờ phải hợp pháp hóa lãnh sự là không phù hợp với quy định của Nghị định 111. Do đó, nội dung khoản 2 Điều 7 cũng cần phải chỉnh sửa để phù hợp với các điều ước quốc tế và đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật.</p>	<p>ký và con dấu chính thức của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy tờ, tài liệu đó.</p> <p>Điều 5 Hiệp định với Angieri Điều 15 Hiệp định với Ba Lan Điều 11 Hiệp định với Belarus Điều 12 Hiệp định với Bun Điều 14 Hiệp định với Cadacxtan Điều 11 Hiệp định với Campuchia Điều 13 Hiệp định với Cuba Điều 6 Hiệp định với Hung Điều 12 Hiệp định với Lào (1998) Điều 8 Hiệp định với Mông Cổ Điều 15 Hiệp định với Nga Điều 26 Hiệp định với Pháp Điều 13 Hiệp định với Tiệp Khắc Điều 7 Hiệp định với Triều Tiên Điều 29 Hiệp định với Trung Quốc Điều 12 Hiệp định với Ucraina Điều 15 Thỏa thuận Đài Loan Điều 10 Hiệp định với Đ Thái lan Điều 3 Công ước tổng đạt Điều 3 (4) Công ước thu thập chứng cứ</p> <p>Trong một số Hiệp định có thêm quy định việc xác minh thông qua cơ quan trung ương khi có nghi ngờ về tính xác thực của giấy tờ (Điều 10 HĐ Thái Lan, Điều 11 HĐ Campuchia, Điều 6 Hiệp định Hungari)</p>	<p>theo điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên, hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.</p> <p>2. Giấy tờ, tài liệu được chuyển giao trực tiếp hoặc qua đường ngoại giao giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.</p> <p>3. Giấy tờ, tài liệu được miễn chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>4. Giấy tờ, tài liệu mà cơ quan tiếp nhận của Việt Nam hoặc của nước ngoài không yêu cầu phải hợp pháp hóa lãnh sự, chứng nhận lãnh sự phù hợp với quy định pháp luật tương ứng của Việt Nam hoặc của nước ngoài.</p>	<p>nhận, nếu giấy tờ, tài liệu đó đã được hợp pháp hoá lãnh sự.</p>
---	---	--	---

<p>Điều 8. Triệu tập và bảo vệ người làm chứng, người giám định</p> <p>1. Trong quá trình tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền có thể triệu tập người làm chứng, người giám định theo quy định của Luật này và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>2. Trong giấy triệu tập phải ghi rõ điều kiện làm chứng, giám định và cam kết về việc bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, điều kiện ăn ở, đi lại cho người làm chứng, người giám định.</p> <p>3. Người làm chứng, người giám định được tạo điều kiện thuận lợi trong nhập cảnh, xuất cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>4. Người làm chứng, người giám định được triệu tập đến Việt Nam không bị bắt, bị tạm giam, tạm giữ hoặc bị điều tra, truy tố, xét xử vì những hành vi sau đây trước khi đến Việt Nam:</p> <p>a) Cung cấp lời khai làm chứng, bản kết luận chuyên môn đối với vụ án mà người đó được triệu tập;</p> <p>b) Phạm tội ở Việt Nam;</p> <p>c) Có quan hệ với đối tượng đang bị điều tra, truy tố, xét xử về hình sự tại Việt Nam;</p> <p>d) Có liên quan đến vụ việc dân sự hoặc hành chính khác tại Việt Nam.</p> <p>5. Quyền không bị bắt, bị tạm giam, tạm giữ hoặc bị điều tra, truy tố, xét xử của người làm chứng, người giám định quy định tại khoản 4 Điều này chấm dứt nếu người đó không rời Việt Nam sau thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam về việc không cần thiết sự có mặt của họ tại Việt Nam. Thời hạn này không tính vào thời gian mà người làm</p>	<p>Các điều ước có quy định về triệu tập người làm chứng, người giám định</p> <p>Điều 14 Hiệp định Angieri</p> <p>Điều 13 Hiệp định với Ba Lan</p> <p>Điều 12 Hiệp định với Bungari</p> <p>Điều 21.22 Hiệp định với Cadaxtan</p> <p>Điều 18.19 Hiệp định với Campuchia</p> <p>Điều 11 Hiệp định với Cuba</p> <p>Điều 14.15 Hiệp định với Hungari</p> <p>Điều 8 Hiệp định với Lào</p> <p>Điều 7 Hiệp định với Mông Cổ</p> <p>Điều 8 Hiệp định với Nga</p> <p>Điều 9 Hiệp định với Tiệp Khắc</p> <p>Điều 11.12 Hiệp định với Triều Tiên</p> <p>Điều 13.14 Hiệp định với Trung Quốc</p> <p>Điều 11 Hiệp định với Ucraina</p> <p>Điều 11.12 thỏa thuận Đài Loan</p> <p>Điều 16.17 Hiệp định với Thái Lan</p> <p>Hiệp định với Pháp không có quy định</p> <p>Hiệp định với Bun chi quy định về việc miễn truy cứu trách nhiệm hình sự</p>	<p>Cơ bản, trong các Hiệp định song phương đã có các quy định về người làm chứng và người giám định cũng như việc bảo hộ cho các đối tượng này.</p> <p>Tuy nhiên, so với Điều 8, nội dung của các Hiệp định có nhiều điểm khác:</p> <p>- Về đối tượng: đa số các Hiệp định đều chỉ quy định về triệu tập người làm chứng, người giám định như Điều 8 Luật TTTT. Tuy nhiên, có Hiệp định lại quy định cả việc triệu tập người bị hại (Hiệp định với Ucraina)</p> <p>- về thời gian người làm chứng/người giám định được miễn chịu trách nhiệm sau khi hoàn thành công việc không giống nhau (một số Hiệp định quy định là 15 ngày, có Hiệp định quy định 7 ngày (Hiệp định với Cuba, Lào, Đài Loan, Belarus).</p> <p>- Về thời gian phải thông báo trước khi cần người đó có mặt: có Hiệp định có quy định thời gian tối thiểu (Trung Quốc 60 ngày, Đài Loan 60 ngày, Thái Lan 90 ngày) có Hiệp định không có quy định thời gian này.</p> <p>- Về quyền được nhận các chi phí đi lại ăn ở: các HĐ đều ghi nhận người làm chứng/giám định được hưởng các quyền này. Tuy nhiên quy định Điều 8 của Luật TTTT</p>
---	--	---

	<p>chứng, người giám định không thể rời Việt Nam vì lý do bất khả kháng.</p>			<p>còn chưa rõ ràng. Dự thảo Luật cần nhấn mạnh đây là quyền của họ. Do đó, cần kế thừa quy định này khi xây dựng Luật TTTP về dân sự nhưng có chỉnh sửa đảm bảo cụ thể hơn và tương thích với các điều ước quốc tế Việt Nam đã ký kết.</p>
<p>Điều 9. Việc giao nhận tài liệu, đồ vật và tiền Việc giao nhận tài liệu, đồ vật và tiền liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p>			<p>Trong các Hiệp định TTTP về dân sự, chủ yếu là việc trao đổi các thông tin và tài liệu Điều 20 Hiệp định với Angieri Điều 4 Hiệp định với Ba Lan Điều 16 Hiệp định với Belarus (chuyển giao đồ vật và tiền) Điều 58 Hiệp định với Bungari (chuyển giao đồ vật và tiền) Hiệp định với Cadacxtan (Điều 11 chuyển giao đồ vật và tiền, Điều 12 trao đổi thông tin và tài liệu pháp luật, Điều 13 chuyển giao giấy tờ hộ tịch) Hiệp định với Campuchia (Điều 27 chuyển giao đồ vật và tiền, Điều 28 trao đổi thông tin và tài liệu pháp luật, Điều 29 chuyển giao giấy tờ hộ tịch) Điều 57 Hiệp định với Cuba chuyển giao tài sản và tiền Hiệp định với Hungari (Điều 16 cung cấp giấy tờ về hộ tịch, Điều 17 Cung cấp thông tin pháp luật)</p>	

Hiệp định với Lào (Điều 14 cung cấp thông tin về pháp luật, Điều 50 chuyển tiền và tài sản thi hành bản án, quyết định)

Hiệp định với Mông Cổ (Điều 13 cung cấp thông tin pháp luật, Điều 9. Chuyển giao giấy tờ liên quan đến quyền nhân thân và lợi ích của công dân, Điều 35 chuyển giao di sản thừa kế cho nhà nước)

Hiệp định với Nga (Điều 12 cung cấp thông tin pháp luật, Điều 13 chuyển giao đồ vật và tiền)

Hiệp định với Pháp (Điều 4 trao đổi thông tin pháp luật, Điều 25 chuyển giấy tờ về hộ tịch)

Hiệp định với Tiệp Khắc (Điều 12 trao đổi thông tin pháp luật, Điều 41 chuyển giao tài sản, Điều 78 chuyển giao đồ vật)

Hiệp định với Triều Tiên (Điều 41 chuyển giao đồ vật, Điều 3 khoản 3 cung cấp thông tin và tài liệu vụ việc)

Hiệp định với Trung Quốc (Điều 25 chuyển giao tiền và tài sản do phạm tội mà có, Điều 28 trao đổi thông tin pháp luật)

Hiệp định với Ucraina (Điều 28 trao đổi thông tin pháp luật; Điều 10 chuyển giao đồ vật và tiền)

Thỏa thuận Đài loan (Điều 14 trao đổi thông tin pháp luật, Điều 10 chuyển giao đồ vật và tiền)

	<p>Hiệp định Thái Lan (Điều 20 chuyển giao tài liệu, đồ vật và tiền; Điều 21 cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật; Điều 22 chuyển giao giấy tờ về hộ tịch)</p>			
<p>Hiện nay, vẫn có nhiều quan điểm khác nhau đối với việc Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án, phán quyết của trọng tài nước ngoài. Có quan điểm cho rằng việc này không thuộc phạm vi TTTP dân sự do không phải là sự hợp tác, tương trợ giữa các cơ quan tố tụng mà trong trường hợp này người được thi hành phải tự thực hiện yêu cầu để bảo vệ quyền lợi của mình. Chính vì vậy khi đàm phán điều ước quốc tế song phương một số nước rất khó khăn khi đưa nội dung này vào phạm vi điều chỉnh của Hiệp định (Thái Lan, Hàn Quốc). Nhưng cũng có quan điểm cho rằng đây được coi là TTTP theo nghĩa hẹp (có thể xếp vào các yêu cầu TTTP khác về dân sự) vì xét về bản chất việc cơ quan tài phán một nước công nhận bản án, quyết định của cơ quan tài phán nước ngoài cũng thể hiện sự hỗ trợ, hợp tác giữa các cơ quan tư pháp.</p> <p>Do vậy, để đảm bảo hài hòa giữa các quan điểm cần kế thừa quy</p>	<p>Điều 7 Hiệp định với Angieri Điều 5 Hiệp định với Bungari Điều 1 Hiệp định với Cadactan (có quy định cả CN&CTH) Điều 1 Hiệp định với Campuchia (có quy định cả CN&CTH) Điều 5 Hiệp định với Cuba Điều 1 Hiệp định với Hungari (có quy định cả CN&CTH) Điều 5 Hiệp định với Lào (có quy định cả CN&CTH) Điều 4 Hiệp định với Mông Cổ (có quy định cả CN&CTH) Điều 5 Hiệp định với Nga (có quy định cả CN&CTH) Điều 3 Hiệp định với Triều Tiên (có quy định cả CN&CTH) Chương III Hiệp định với Trung Quốc (có quy định cả CN&CTH) Điều 3 Hiệp định với Ucraina (có quy định cả CN&CTH) Điều 1 Thỏa thuận Đài Loan (có quy định cả CN&CTH) Điều 5 Hiệp định với Ba Lan Điều 5 Hiệp định với Belarus Điều 1 Hiệp định với Thái Lan (có quy định cả CN&CTH)</p>		<p>Điều 10. Phạm vi tương trợ tư pháp về dân sự Phạm vi tương trợ tư pháp về dân sự giữa Việt Nam và nước ngoài bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến tương trợ tư pháp về dân sự; 2. Triệu tập người làm chứng, người giám định; 3. Thu thập, cung cấp chứng cứ; 4. Các yêu cầu tương trợ tư pháp khác về dân sự. 	

	<p>Hiệp định với Pháp, Tiệp Khắc không có 1 điều riêng quy định về phạm vi mà nằm rải rác (vẫn có nội dung công nhận và cho thi hành)</p> <p>Có quy định về công nhận và cho thi hành bản án của tòa án và quyết định của trọng tài ở chương riêng: Angieri, Bungari, Cuba, Ba lan, Belarus)</p>	<p>định này khi xây dựng Luật TTTT về dân sự</p>	
<p>Điều 11. Hồ sơ ủy thác tư pháp về dân sự</p> <p>1. Hồ sơ ủy thác tư pháp về dân sự phải có các văn bản sau đây:</p> <p>a) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự;</p> <p>b) Văn bản ủy thác tư pháp về dân sự quy định tại Điều 12 của Luật này;</p> <p>c) Giấy tờ khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước được ủy thác.</p> <p>2. Hồ sơ ủy thác tư pháp về dân sự được lập thành ba bộ theo quy định của Luật này và phù hợp với pháp luật của nước được ủy thác. Ngôn ngữ được sử dụng để lập hồ sơ theo quy định tại Điều 5 của Luật này.</p>			
	<p>Thông thường các quy định của Hiệp định song phương thường có quy định lồng ghép đề nghị tương trợ tư pháp và hồ sơ kèm theo</p> <p>Điều 9 Hiệp định với Angieri</p> <p>Điều 7 Hiệp định với Ba Lan</p> <p>Điều 6 Hiệp định với Belarus</p> <p>Điều 6 Hiệp định với Bungari</p> <p>Điều 8 Hiệp định với Cadacxtan</p> <p>Điều 8 Hiệp định với Campuchia</p> <p>Điều 6 Hiệp định với Cuba</p> <p>Điều 12.13 Hiệp định Hungari</p> <p>Điều 6 Hiệp định với Lào</p> <p>Điều 5 Hiệp định với Mông Cổ</p> <p>Điều 6 Hiệp định với Nga</p> <p>Điều 15 Hiệp định với Pháp</p> <p>Điều 5 Hiệp định với Tiệp Khắc</p> <p>Điều 6 Hiệp định với Triều Tiên</p> <p>Điều 7 Hiệp định với Trung Quốc</p> <p>Điều 7 Hiệp định với Ucraina</p> <p>Điều 7 Thỏa thuận Đài Loan</p> <p>Điều 7 Hiệp định với Thái Lan</p>	<p>Điều 11. Hồ sơ ủy thác tư pháp của Việt Nam</p> <p>1. Hồ sơ ủy thác tư pháp được lập thành ba bộ và có các văn bản quy định tại Điều 11 của Luật Tương trợ tư pháp, cụ thể như sau:</p> <p>a) Văn bản yêu cầu thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự được lập theo Mẫu</p>	<p>Điều 11. Hồ sơ ủy thác tư pháp về dân sự</p> <p>1. Hồ sơ ủy thác tư pháp về dân sự phải có các văn bản sau đây:</p> <p>a) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự;</p> <p>b) Văn bản ủy thác tư pháp về dân sự quy định tại Điều 12 của Luật này;</p> <p>c) Giấy tờ khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước được ủy thác.</p> <p>2. Hồ sơ ủy thác tư pháp về dân sự được lập thành ba bộ theo quy định của Luật này và phù hợp với pháp luật của nước được ủy thác. Ngôn ngữ được sử dụng để lập hồ sơ theo quy định tại Điều 5 của Luật này.</p>
		<p>Điều 12. Văn bản ủy thác tư pháp về dân sự</p> <p>Văn bản ủy thác tư pháp về dân sự phải có các nội dung sau đây:</p> <p>1. Ngày, tháng, năm và địa điểm lập văn bản;</p> <p>2. Tên, địa chỉ cơ quan ủy thác tư pháp;</p> <p>3. Tên, địa chỉ cơ quan được ủy thác tư pháp;</p> <p>4. Họ, tên, địa chỉ nơi thường trú hoặc nơi làm việc của cá nhân; tên đầy đủ, địa chỉ hoặc văn</p>	<p>Để thực hiện Công ước tổng đạt, Thông tư liên tịch 12 đã có quy định về các kênh tổng đạt giấy tờ, mẫu văn bản yêu cầu. Các quy định về nội dung này cần được nâng cấp đưa vào Luật TTTT về dân sự.</p> <p>Về hình thức văn bản ủy thác, các hiệp định song phương cơ bản có</p>

	<p>phòng chính của cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp;</p> <p>5. Nội dung công việc được ủy thác tư pháp về dân sự phải nêu rõ mục đích ủy thác, công việc và các tình tiết liên quan, trích dẫn điều luật có thể áp dụng, các biện pháp để thực hiện ủy thác và thời hạn thực hiện ủy thác.</p>	<p>số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;</p> <p>b) Văn bản ủy thác tư pháp về dân sự quy định tại Điều 12 của Luật Tương trợ tư pháp được lập theo Mẫu số 02A ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này. Trường hợp ủy thác tư pháp tổng đạt giấy tờ được thực hiện theo kênh chính của Công ước Tổng đạt, văn bản ủy thác tư pháp được lập theo Mẫu số 02B ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;</p> <p>c) Giấy tờ khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu ủy thác (nếu có);</p> <p>d) Các giấy tờ, tài liệu khác phục vụ cho việc thực hiện ủy thác tư pháp theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam.</p>	<p>Công ước thu thập chứng cứ có quy định về văn bản và tài liệu kèm theo tại Điều 3 và Điều 4 Công ước thu thập chứng cứ</p>	<p>nội dung tương tự như Điều 12 của Luật TTTP</p>
	<p>Điều 13. Yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp về dân sự</p> <p>1. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trong quá trình giải quyết các vụ việc dân sự có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thực hiện tương trợ tư pháp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu cho người đang ở nước được yêu cầu;</p> <p>b) Triệu tập người làm chứng, người giám định đang ở nước được yêu cầu;</p> <p>c) Thu thập, cung cấp chứng cứ ở nước được yêu cầu để giải quyết vụ việc dân sự tại Việt Nam;</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 10 về phạm vi tương trợ tư pháp</p>	<p>Phù hợp với phạm vi tương trợ tư pháp tại các Hiệp định như đã nói tại Điều 10</p>	

	<p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>2. Yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp về dân sự phải được lập thành văn bản dưới hình thức ủy thác tư pháp về dân sự theo quy định của Luật này.</p>			
<p>Điều 15. Thủ tục tiếp nhận và xử lý ủy thác tư pháp về dân sự của nước ngoài</p> <p>1. Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ ủy thác tư pháp của cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu, Bộ Tư pháp vào sổ ủy thác tư pháp, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì Bộ Tư pháp trả lại cho cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu và nêu rõ lý do.</p> <p>2. Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp, Bộ Tư pháp chuyển văn bản đó cho cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước yêu cầu là thành viên hoặc thông qua kênh ngoại giao.</p> <p>3. Trường hợp ủy thác tư pháp không thực hiện được hoặc quá thời hạn mà nước ngoài yêu cầu hoặc cần bổ sung thông tin, tài liệu liên quan, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện ủy thác tư pháp phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tư pháp và nêu rõ lý do để Bộ Tư pháp thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu.</p>	<p>Việc giao Bộ Tư pháp là cơ quan trung ương:</p> <p>Điều 9 Hiệp định với Angieri</p> <p>Điều 3 Hiệp định với Bungari</p> <p>Điều 5 Hiệp định với Cadacxtan</p> <p>Điều 5 Hiệp định với Campuchia</p> <p>Điều 3 Hiệp định với Cuba</p> <p>Điều 4 Hiệp định với Lào</p> <p>Điều 3 Hiệp định với Mông Cổ</p> <p>Điều 3 Hiệp định với Nga</p> <p>Điều 2 Hiệp định với Pháp</p> <p>Điều 3 Hiệp định với Tiệp Khắc</p> <p>Điều 4 Hiệp định với Triều Tiên</p> <p>Điều 4 Hiệp định với Trung Quốc</p> <p>Điều 4 Hiệp định với Ucraina</p> <p>Điều 3 Hiệp định với Ba Lan</p> <p>Điều 3 Hiệp định với Belarus</p> <p>Điều 4 Hiệp định với Thái Lan</p>	<p>Về thẩm quyền thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài, Công ước tổng đạt có quy định:</p> <p>Điều 5</p> <p>Cơ quan Trung ương của Nước nhận phải tự mình tổng đạt giấy tờ hoặc phải bố trí một cơ quan phù hợp để thực hiện việc tổng đạt giấy tờ đó</p>	<p>Về thẩm quyền thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài</p> <p>Thông tư liên tịch 12</p> <p>Điều 17. Thẩm quyền thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài</p> <p>1. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền Việt Nam thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài bao gồm:</p>	<p>Trong các Hiệp định song phương, Bộ Tư pháp được chỉ định là cơ quan trung ương. Bộ Tư pháp cũng được chỉ định là cơ quan trung ương thực thi Công ước tổng đạt và Công ước thu thập chứng cứ.</p> <p>Pháp luật trong nước và điều ước quốc tế đã có quy định hoặc có cơ chế cho việc giao tổ chức tư nhân tổ chức thực hiện việc tổng đạt giấy tờ của nước ngoài. Khi đó, việc thực hiện sẽ được mất các chi phí.</p> <p>Nội dung này cần thiết quy định vào luật, tạo cơ sở chính thức cho</p>

việc xã hội hóa hoạt động tổng đạt
giấy tờ.

- a) Tòa án nhân dân cấp tỉnh;
b) Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh trong trường hợp ủy thác tư pháp của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài liên quan đến thi hành án dân sự;
c) Thừa phát lại thực hiện tổng đạt giấy tờ theo quy định của pháp luật.
- Trong quá trình thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chứng cứ, thông tin theo quy định pháp luật về tố tụng dân sự và thi hành án dân sự.
2. Thẩm quyền của cơ quan, tổ chức Việt Nam thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài được xác định như sau:
- a) Nơi người được tổng đạt là cá nhân cư trú, làm việc hoặc nơi cơ quan, tổ chức được tổng đạt có trụ sở, chi nhánh của tổ chức đó theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài;
b) Nơi người được triệu tập làm chứng, người giám định cư trú, làm việc;
c) Nơi thực hiện việc thu thập, cung cấp chứng cứ.
- Nghị định 08 về tổ chức và hoạt động của thừa phát lại
- Điều 34. Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu có liên quan đến tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài**

1. Bộ Tư pháp lựa chọn một hoặc một số Văn phòng Thừa phát lại để thực hiện việc tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu có liên quan đến tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.

2. Văn phòng Thừa phát lại thực hiện tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài trên phạm vi toàn quốc.

3. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết việc tổng đạt quy định tại khoản 1,2 Điều này và các nội dung khác có liên quan.

Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 172. Người thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng
Việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng do những người sau đây thực hiện:

1. Người tiến hành tố tụng, người của cơ quan ban hành văn bản tố tụng được giao nhiệm vụ thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người tham gia tố tụng dân sự cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người tham gia tố tụng dân sự làm việc khi Tòa án có yêu cầu.

3. Đương sự, người đại diện của đương sự hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong

	<p>những trường hợp do Bộ luật này quy định.</p> <p>4. Nhân viên tổ chức dịch vụ bưu chính.</p> <p>5. Người có chức năng tổng đạt.</p> <p>6. Những người khác mà pháp luật có quy định.</p>	<p>Nghị định 92/NĐ-CP Điều 2. Nguyên tắc trả chi phí thực hiện tương trợ tư pháp</p> <p>1. Chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù giữa Việt Nam và nước ngoài do nước yêu cầu chi trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.</p> <p>Thuật ngữ “thỏa thuận khác” theo quy định tại khoản 1 Điều 16, Điều 31, Điều 48 và Điều 60 của Luật Tương trợ tư pháp là điều ước quốc tế theo quy định của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế theo quy định của Pháp lệnh Ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế.</p> <p>2. Trường hợp Việt Nam và nước ngoài chưa có thỏa thuận quy định tại khoản 1 Điều này thì việc chi trả chi phí thực hiện tương trợ tư pháp được thực hiện trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại.</p> <p>3. Cá nhân, tổ chức Việt Nam yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết vụ việc dân sự</p>	<p>Theo quy định hiện hành, người dân chỉ được miễn phí/ lệ phí ủy thác tư pháp với mức 150.000 (Thông tư 203/2016/TT-BTC ngày 9/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự có yếu tố nước ngoài) hoặc 200.000 (theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án) nếu họ thuộc một trong các đối tượng của Nghị định 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TTTP). Ngoài ra, thực tiễn đàm phán các điều ước quốc tế song phương trong thời gian gần đây thường gặp vướng mắc liên quan đến quy định về thực hiện TTTP miễn phí trong khi khoản 1 Điều 16 Luật TTTP lại quy định “Chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự giữa Việt Nam và nước ngoài do</p>
<p>Hiện nay, đa số các Hiệp định song phương đều quy định theo hướng:</p> <p>1. Các Bên thực hiện việc tương trợ tư pháp miễn phí cho nhau trừ các trường hợp sau:</p> <p>i) Chi phí của người làm chứng hoặc người giám định cư trú trên lãnh thổ một Bên và được triệu tập bởi Bên kia phải phù hợp với quy định tại Điều 21 của Hiệp định này;</p> <p>ii) Chi phí liên quan đến yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án và quyết định của Trọng tài.</p> <p>2. Trong trường hợp việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp đòi hỏi khoản chi phí bất thường, các Bên sẽ trao đổi ý kiến để quyết định điều kiện cho việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp đó.</p> <p>Điều 12</p> <p>Tổng đạt các giấy tờ tư pháp từ một Nước ký kết không làm phát sinh bất kỳ khoản thanh toán hoặc hoàn trả các loại thuế hay chi phí cho</p>	<p>Điều 16. Chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự</p> <p>1. Chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự giữa Việt Nam và nước ngoài do nước yêu cầu chi trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.</p> <p>2. Cá nhân, tổ chức Việt Nam yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết vụ việc dân sự làm phát sinh yêu cầu ủy thác tư pháp ra nước ngoài thì phải trả chi phí theo quy định của Việt Nam và của nước được yêu cầu. Trong thời hạn mười ngày làm việc, trước ngày quyết định lập hồ sơ ủy thác tư pháp, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo cho cá nhân, tổ chức về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp. Hồ sơ ủy thác tư pháp chỉ được lập và gửi ra nước ngoài sau khi cá nhân, tổ chức đã nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định.</p> <p>Công dân Việt Nam thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý thì có thể được xem xét hỗ trợ chi phí thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của Chính phủ.</p>	<p>những trường hợp do Bộ luật này quy định.</p> <p>4. Nhân viên tổ chức dịch vụ bưu chính.</p> <p>5. Người có chức năng tổng đạt.</p> <p>6. Những người khác mà pháp luật có quy định.</p>	<p>Theo quy định hiện hành, người dân chỉ được miễn phí/ lệ phí ủy thác tư pháp với mức 150.000 (Thông tư 203/2016/TT-BTC ngày 9/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự có yếu tố nước ngoài) hoặc 200.000 (theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án) nếu họ thuộc một trong các đối tượng của Nghị định 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TTTP). Ngoài ra, thực tiễn đàm phán các điều ước quốc tế song phương trong thời gian gần đây thường gặp vướng mắc liên quan đến quy định về thực hiện TTTP miễn phí trong khi khoản 1 Điều 16 Luật TTTP lại quy định “Chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự giữa Việt Nam và nước ngoài do</p>
	<p>những trường hợp do Bộ luật này quy định.</p> <p>4. Nhân viên tổ chức dịch vụ bưu chính.</p> <p>5. Người có chức năng tổng đạt.</p> <p>6. Những người khác mà pháp luật có quy định.</p>	<p>Điều 16. Chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự</p> <p>1. Chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự giữa Việt Nam và nước ngoài do nước yêu cầu chi trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.</p> <p>2. Cá nhân, tổ chức Việt Nam yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết vụ việc dân sự làm phát sinh yêu cầu ủy thác tư pháp ra nước ngoài thì phải trả chi phí theo quy định của Việt Nam và của nước được yêu cầu. Trong thời hạn mười ngày làm việc, trước ngày quyết định lập hồ sơ ủy thác tư pháp, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo cho cá nhân, tổ chức về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp. Hồ sơ ủy thác tư pháp chỉ được lập và gửi ra nước ngoài sau khi cá nhân, tổ chức đã nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định.</p> <p>Công dân Việt Nam thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý thì có thể được xem xét hỗ trợ chi phí thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của Chính phủ.</p>	<p>Theo quy định hiện hành, người dân chỉ được miễn phí/ lệ phí ủy thác tư pháp với mức 150.000 (Thông tư 203/2016/TT-BTC ngày 9/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự có yếu tố nước ngoài) hoặc 200.000 (theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án) nếu họ thuộc một trong các đối tượng của Nghị định 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TTTP). Ngoài ra, thực tiễn đàm phán các điều ước quốc tế song phương trong thời gian gần đây thường gặp vướng mắc liên quan đến quy định về thực hiện TTTP miễn phí trong khi khoản 1 Điều 16 Luật TTTP lại quy định “Chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự giữa Việt Nam và nước ngoài do</p>

	<p>làm phát sinh yêu cầu ủy thác tư pháp ra nước ngoài (sau đây gọi là người yêu cầu) phải trả chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự, trừ cá nhân được hỗ trợ phí theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này.</p> <p>Điều 3. Quản lý và sử dụng chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự</p> <p>1. Cá nhân, tổ chức có yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự mà làm phát sinh yêu cầu ủy thác tư pháp về dân sự ra nước ngoài phải nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự theo quy định của Việt Nam và chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự theo yêu cầu của nước ngoài.</p> <p>Chi phí thực hiện tương trợ tư pháp nêu trong Nghị định này bao gồm phí và các chi phí thực tế theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự ra nước ngoài có trách nhiệm thu chi phí thực hiện tương trợ tư pháp trong nước và thông báo cho cá nhân, tổ chức có yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều này các chi phí thực hiện ủy thác tư pháp theo yêu cầu của nước ngoài để thực hiện trước khi gửi hồ sơ ra nước ngoài. Trong trường hợp có phát sinh chi phí thực tế trong nước, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện việc tạm thu một khoản chi phí để thanh toán theo hóa đơn, chứng từ thực tế theo quy định của pháp luật</p>	<p>việc tổng đạt được thực hiện bởi Nước nhận.</p> <p>Người gửi phải thanh toán hoặc hoàn trả các chi phí phát sinh do:</p> <p>a) thuê cán bộ tư pháp hoặc người có thẩm quyền theo quy định pháp luật của Nước nhận,</p> <p>b) sử dụng một phương thức tổng đạt cụ thể.</p>	<p>nước yêu cầu chi trả”. Bộ Tư pháp cho rằng do khoản 1 Điều 16 còn quy định “trừ trường hợp có thỏa thuận khác” nên khi đàm phán điều ước quốc tế hai Bên có thể thỏa thuận nhưng Bộ Tài chính cho rằng quy định này không áp dụng để có thể quy định miễn phí TTTP tại các điều ước quốc tế song phương. Việc thực hiện TTTP miễn phí khi có quan hệ điều ước quốc tế thể hiện tính ưu việt, sự thiện chí hợp tác của các bên ký kết so với việc không có quan hệ điều ước quốc tế phải thực hiện nguyên tắc có đi có lại. Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đề xuất ký kết điều ước quốc tế về TTTP dân sự, Luật TTTP về dân sự cần có quy định nội luật hóa quy định về chi phí tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, gia nhập. Bên cạnh đó cần cân nhắc bổ sung các quy định cụ thể về chi phí TTTP và cách thức thu nộp.</p>
--	--	--	---

Việt Nam và pháp luật nước ngoài liên quan.

3. Cá nhân, tổ chức nước ngoài có yêu cầu ủy thác tư pháp về dân sự cho Việt Nam phải nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ yêu cầu thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự có trách nhiệm thu chi phí thực hiện ủy thác tư pháp đó.

4. Bộ Tài chính quy định cụ thể về mức phí; chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự.

Điều 4. Hỗ trợ chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự

1. Công dân Việt Nam thuộc các đối tượng sau đây được miễn phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự:

a. Người nghèo được miễn phí tương trợ tư pháp về dân sự là người thuộc chuẩn nghèo theo quy định của pháp luật;

b. Người hoạt động cách mạng trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945;

c. Bà mẹ Việt Nam Anh hùng;

d. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động;

đ. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

e. Bệnh binh;

g. Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

h. Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;
i. Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế;
k. Người có công giúp đỡ cách mạng;
l. Cha, mẹ, vợ, chồng của liệt sĩ; con của liệt sĩ chưa đủ 18 tuổi; người có công nuôi dưỡng liệt sĩ;
m. Người già được miễn phí tương trợ tư pháp về dân sự là người từ đủ 60 tuổi trở lên sống độc thân hoặc không có nơi nương tựa;
n. Người tàn tật được miễn phí tương trợ tư pháp về dân sự là người bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau, làm suy giảm khả năng hoạt động, khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp nhiều khó khăn hoặc là người bị nhiễm chất độc hóa học, bị nhiễm HIV hoặc bị các bệnh khác làm mất năng lực hành vi dân sự mà không có nơi nương tựa;
o. Trẻ em được miễn phí tương trợ tư pháp về dân sự là người dưới 16 tuổi không nơi nương tựa.
p. Người dân tộc thiểu số được miễn phí tương trợ tư pháp về dân sự là người thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

2. Công dân Việt Nam có yêu cầu được miễn phí thực hiện tương trợ tư

pháp phải nộp bản sao có chứng thực và xuất trình bản gốc giấy tờ chứng minh là người thuộc một trong các đối tượng được miễn phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự quy định tại khoản 1 Điều này cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ yêu cầu thực hiện ủy thác về dân sự.

Thông tư liên tịch 12

Điều 6. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự

1. Người có nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư liên tịch này phải nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp, trừ trường hợp pháp luật hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.
2. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam bao gồm phí, lệ phí và chi phí thực tế phát sinh khi thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc gia liên quan.
3. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài bao gồm phí, lệ phí và chi phí thực tế phát sinh khi thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam.
4. Mức thu, cơ quan có thẩm quyền thu và trình tự thu nộp phí, lệ phí ủy thác tư pháp của Việt Nam và ủy thác tư pháp về dân sự của nước ngoài

được thực hiện theo quy định pháp luật về phí, lệ phí.

5. Căn cứ nội dung yêu cầu ủy thác tư pháp cụ thể, chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:

- a) Chi phí dịch thuật, công chứng, chứng thực hồ sơ ủy thác tư pháp;
- b) Chi phí tổng đạt hồ sơ ủy thác tư pháp ở nước ngoài;
- c) Chi phí thu thập, cung cấp chứng cứ ở nước ngoài;
- d) Chi phí khác (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia liên quan.

6. Căn cứ nội dung yêu cầu ủy thác tư pháp cụ thể, chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:

- a) Chi phí tổng đạt hồ sơ ủy thác tư pháp do tổ chức, cá nhân có chức năng tổng đạt thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- b) Chi phí thu thập, cung cấp chứng cứ;
- c) Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp theo yêu cầu đặc biệt của nước ngoài;
- d) Chi phí khác (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam.

7. Chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này được thu nộp theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 của Thông tư liên tịch này.

Nghị quyết 326, Danh mục B.7 Lệ phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự của nước ngoài tại Việt Nam là 1.000.000đ,

Mục B.8 Lệ phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự của Việt Nam ra nước ngoài là 200.000đ

Thông tư 203/TT-BTC

Điều 4. Mức thu phí

1. Mức thu phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự có yếu tố nước ngoài là 150.000 đồng/hồ sơ.

2. Phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự có yếu tố nước ngoài không bao gồm các chi phí khác như: Chi phí giám định, phí công chứng, bưu điện. Các chi phí này sẽ do người yêu cầu ủy thác tư pháp thanh toán theo thực tế phát sinh và theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc gia nhận ủy thác tư pháp về dân sự.

